| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĂN YÊN**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày: 31/03/2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Chu Thị Thoảng
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Trần Ngọc Toản
2. Bà Ngô Thị Hoa

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái:*** Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 18/03/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thu T** (tên gọi khác: Không) sinh ngày 13/08/1986. Tại huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị H (đã chết). Bị cáo có chồng là Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1985 và 02 con. Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019. Hiện chồng con trú tại: Tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 06/LCĐKNCT ngày 08/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Bị cáo tại ngoại tại tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

**2. Nguyễn Xuân Đ** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/01/1985. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức S (đã chết) và

bà Triệu Thị T (đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thu T, sinh năm 1986 và 02 con. Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019. Hiện vợ con trú tại: Tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 08/01/2021 đến ngày 05/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh theo Quyết định về việc bảo lĩnh số: 02/QĐ-TA ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Bị cáo tại ngoại tại tổ dân phố số H, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Chị Nguyễn Hải H, địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Thế V, địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.
- Anh Đỗ Tuấn A, địa chỉ: Bản Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu – Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

*- Người làm chứng:*

- Anh Trần Duy K, địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Duy P, địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thu H, địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 đến tháng 01/2021 Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ (là hai vợ chồng) đã thống nhất với nhau cho một số người vay tiền để lấy lãi. Đ nắm thông tin về người vay, còn T quản lý giấy tờ, sổ sách việc cho vay tiền và thu tiền lãi, việc lập hợp đồng vay tiền thì có trường hợp do T lập, có trường hợp do Đ lập. Cụ thể như sau:

Ngày 03/04/2018 chị Nguyễn Hải H đã vay của vợ chồng T số tiền 10.000.000đồng, không xác định thời hạn trả, thỏa thuận lãi suất là 5000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Tiền lãi trả theo tháng là 1.500.000đồng, chị H đưa cho T một thẻ biển đeo chức danh (thẻ giáo viên) mang tên Nguyễn Hải H. Chị H đã trả lãi trực tiếp hoặc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thu T (số tài khoản 8706205020... Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Văn Yên, Bắc Yên Bái). Tổng số tiền lãi chị H đã trả là 30.000.000đồng của 19,9 tháng, số tiền gốc 10.000.000đồng chị H chưa trả.

Lãi suất cho vay của khoản vay trên là 182,5% năm, khoản tiền lãi đúng quy định pháp luật là 3.323.300đồng, khoản tiền thu lợi bất chính không đúng theo quy định pháp luật của T và Đ là 26.676.700đồng.

Ngày 10/07/2019 anh Nguyễn Thế V vay của vợ chồng T 20.000.000đồng, thời hạn vay ban đầu xác định đến ngày 10/08/2019 nhưng sau đó anh V không trả được tiền gốc nên hai bên thỏa thuận anh V vay tiếp, hàng tháng trả lãi là 5000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Tiền lãi theo tháng là 3.000.000đồng. Anh V trả lãi trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thu T (số tài khoản 8706205020... Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Văn Yên, Bắc Yên Bái). Anh V đã trả tổng số tiền lãi là 40.000.000đồng của 13,3 tháng, tiền gốc chưa trả. Lãi suất cho vay của khoản vay trên là 182,5% năm, khoản tiền lãi đúng theo quy định của pháp luật là 4.442.200đồng, khoản tiền thu lợi bất chính không đúng theo quy định pháp luật là 35.557.800đồng.

Tháng 6/2020 Đỗ Tuấn A vay của vợ chồng Nguyễn Thu T 50.000.000đồng với lãi suất là 3000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến tháng 9/2020 Đỗ Tuấn A trả hết số tiền gốc đã vay và trả lãi  là 13.500.000đồng. Lãi suất khoản vay là 109,5% năm, khoản tiền lãi đúng quy định pháp luật là 2.505.000đồng, khoản tiền thu lợi bất chính không đúng theo quy định pháp luật là 10.995.000đồng.

Hành vi của Nguyễn Thu T; Nguyễn Xuân Đ cho Đỗ Tuấn A; Nguyễn Hải H; Nguyễn Thế V vay riêng với lãi suất 109,5% năm và 182,5% năm, có mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng số tiền Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng đối với Đỗ Tuấn A; Nguyễn Hải H; Nguyễn Thế V không đúng theo quy định pháp luật là 73.229.500đồng.

Ngoài ra, T và Đ còn cho một số người khác vay tiền, tuy nhiên quá trình điều tra xác định mức lãi suất cho vay chưa đến 100%/năm hoặc có trường hợp lãi suất trên 100%/năm nhưng mới vay nên người vay chưa trả lãi (Nguyễn Thúy H; Nguyễn Thị T) do đó không xử lý đối với Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ về việc cho vay này.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-P2 ngày 05/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố: Nguyễn Thu T; Nguyễn Xuân Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thu T; Nguyễn Xuân Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Nguyễn Thu T: Căn cứ khoản 1; 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bị cáo Nguyễn Thu T từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo từ 06 tháng  đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cuốn sổ bìa màu xanh; 01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền lãi 20% của 03 khoản vay là: 10.270.500đồng của bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền gốc anh Đỗ Tuấn A đã trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ là 50.000.000đồng là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hải H số tiền 26.676.700đồng; Trả anh Nguyễn Thế V số tiền 35.557.800đồng; Trả anh Đỗ Tuấn A số tiền 10.995.000đồng là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng.

- Buộc chị Nguyễn Hải H phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000đồng là khoản tiền gốc chị H chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Buộc anh Nguyễn Thế V phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đồng là khoản tiền gốc anh V chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Đối với 06 hợp đồng vay tiền do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ khi các bị cáo có yêu cầu.

- Đối với 01 thẻ biển đeo chức danh mang tên Nguyễn Hải H số; T17-15a. 201-010 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho chị Nguyễn Hải H khi chị H có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất .

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo đã khai: Do hám lời từ năm 2018 đến năm 2021, Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ đã thống nhất với nhau và cho Nguyễn Hải H; Nguyễn Thế V và Đỗ Tuấn A vay tiền với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. Căn cứ vào công văn 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì khoản tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự. Như vậy Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với các lần cho vay cụ thể như sau: Ngày 03/04/2018 Nguyễn Hải H vay tiền gốc 10.000.000đồng lãi suất cho khoản vay là 182,5%/năm, khoản tiền lãi đúng quy định pháp luật thời gian 19,9 tháng là 3.323.300đồng, khoản tiền lãi thu lợi bất chính không đúng quy định pháp luật là 26.676.700đồng. Ngày 10/07/2019 Nguyễn Thế V vay 20.000.000đồng lãi suất cho khoản vay là 182,5%/năm, khoản tiền lãi đúng quy định pháp luật thời gian 13,3 tháng là 4.442.200đồng, khoản tiền lãi thu lợi bất chính không đúng quy định pháp luật là 35.557.800đồng. Tháng 6/2020 Đỗ Tuấn A vay 50.000.000đồng lãi suất cho khoản vay là 109,5%/năm, khoản tiền lãi đúng quy định pháp luật thời gian 03 tháng là 2.505.000đồng, khoản tiền lãi thu lợi bất chính không đúng quy định pháp luật là 10.995.000đồng. Ba khoản vay này mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Như vậy các bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ đã hưởng lợi bất chính không đúng quy định pháp luật là 73.229.500đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số: 09/CT-VKS-P2 ngày 05/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này Nguyễn Thu T là người quản lý giấy tờ, sổ sách quản lý việc cho vay tiền, lập hợp đồng vay tiền và theo dõi thu tiền lãi, do đó T giữ vai trò chính. Nguyễn Xuân Đ là người nắm thông tin về người vay, lập hợp đồng vay tiền trong một số trường hợp nên là người thực hành trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo Nguyễn Thu T; Nguyễn Xuân Đ biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật. Nhưng vì hám lời, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Do vậy cần đưa các bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân. Nhưng vì hám lợi nhuận cao nên các bị cáo đã phạm tội. Do đó cần có mức hình phạt thoả đáng tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ ba mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*". Trong vụ án này bị cáo T và bị cáo Đ là hai vợ chồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án, mọi giao dịch đều do T thực hiện. Việc thu chi trong gia đình đều do T quản lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T. Còn đối với bị cáo Đ Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Qua xác minh tại địa phương sau khi các bị cáo vi phạm pháp luật thì không có việc làm do vậy miễn khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước cho các bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[8] Đối với Trần Duy K; Nguyễn Duy P đã lấy giấy tờ, tài liệu và sổ sách trong két sắt và ở nhà nhà T đi cất giấu. Sau đó K và P đã giao nộp toàn bộ số giấy tờ đó cho Cơ quan điều tra. Xét thấy số giấy tờ đó không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ trong việc cho vay lãi nặng. Nên cơ quan điều tra không xử lý đối với K và P là phù hợp.

[9] Đối với các khoản vay của anh Nguyễn Trần T gốc là 30.000.000đồng, nhận 7.200.000đồng tiền lãi; ông Nguyễn Ngọc B gốc là 40.000.000đồng, nhận 1.200.000đồng tiền lãi; ông Trần Quang T gốc là 10.000.000đồng, nhận 6.600.000đồng tiền lãi; bà Lưu Phương T gốc là 50.000.000đồng, nhận 2.200.000đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi của những người này là 17.200.000đồng. Do những người này vay với lãi suất dưới 100%/năm, số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000đồng. Do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ về việc cho vay những người này.

[10] Đối với khoản tiền vay của bà Nguyễn Thị T; Nguyễn Thúy H vay với lãi suất 146%/01 năm; ông Đặng Minh T vay lãi suất 73%/01 năm. Do mới vay nên những người này chưa trả lãi của số tiền vay cho Nguyễn Thu T nên không có căn cứ xử lý Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ về việc này.

[11] Đối với khoản tiền vay của ông Nguyễn Xuân P; Nguyễn Văn N vay tiền với lãi suất tính theo ngày 1000đồng/1.000.000đồng/01 ngày và 2000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Số tiền lãi thu được từ hai người này là 36.750.000đồng. Cuối năm 2017 hai người này đi khỏi địa phương. Lãi suất của hai người này trên dưới 150%/01 năm theo Bộ luật hình sự 1999 và dưới 100%/01 năm theo Bộ luật hình sự 2015. Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ không có đơn đề nghị giải quyết bằng pháp luật. Hiện nay ông P và ông N không có mặt tại địa phương nên khi nào các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[12] Về vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cuốn sổ bìa màu xanh; 01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền lãi 20% của 03 khoản vay là: 10.270.500đồng của bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền gốc anh Đỗ Tuấn A đã trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ là 50.000.000đồng là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hải H số tiền 26.676.700đồng; Trả anh Nguyễn Thế V số tiền 35.557.800đồng; Trả anh Đỗ Tuấn A số tiền 10.995.000đồng là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng.

- Buộc chị Nguyễn Hải H phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000đồng là khoản tiền gốc chị H chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thuy T và Nguyễn Xuân Đ, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Buộc anh Nguyễn Thế V phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đồng là khoản tiền gốc anh V chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thuy T và Nguyễn Xuân Đ, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Đối với 06 hợp đồng vay tiền do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ khi các bị cáo có yêu cầu.

- Đối với 01 thẻ biển đeo chức danh mang tên Nguyễn Hải H số; T17-15a. 201-010 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho chị Nguyễn Hải H khi chị H có yêu cầu.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[14] Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

***1. Về tội danh:*** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thu T; Nguyễn Xuân Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

***2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:***

* Căn cứ khoản 1; 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thu T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bị cáo Nguyễn Thu T 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

* Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm  i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 29 (hai chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/01/2021 đến ngày 05/02/2021). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

***3. Về vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp:*** Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cuốn sổ bìa màu xanh; 01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền lãi 20% của 03 khoản vay là: 10.270.500đồng (Mười triệu hai trăm bẩy mươi nghìn năm trăm đồng) của bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ.

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ số tiền gốc anh Đỗ Tuấn A đã trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thu T và bị cáo Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hải H số tiền 26.676.700đồng (Hai sáu triệu sáu trăm bẩy sáu nghìn bẩy trăm đồng); Trả anh Nguyễn Thế V số tiền 35.557.800đồng (Ba năm triệu năm trăm năm bẩy nghìn tám trăm đồng); Trả anh Đỗ Tuấn A số tiền 10.995.000đồng (Mười triệu chín trăm chín năm nghìn đồng).

- Buộc chị Nguyễn Hải H phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là khoản tiền gốc chị H chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Buộc anh Nguyễn Thế V phải có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) là khoản tiền gốc anh V chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ.

- Đối với 06 hợp đồng vay tiền do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thu T và Nguyễn Xuân Đ khi các bị cáo có yêu cầu.

- Đối với 01 thẻ biển đeo chức danh mang tên Nguyễn Hải H số; T17-15a. 201-010 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án thực hiện việc sao lưu theo quy định pháp luật và trả lại cho chị Nguyễn Hải H khi chị H có yêu cầu.

***4. Về án phí:*** Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo T; Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

***5. Về quyền kháng cáo:*** Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện Văn Yên;
- THA phạt tù;
- Các bị cáo; Người có quyền lợi; nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên; (2)
- Lưu HS – TQĐ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Chu Thị Thoảng**